

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày 29/12/2020

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Châu Kha

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Hòa và bà Bùi Thị Lùng.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạ – Thư ký Tòa án nhân dân (TAND)
huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên
tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở TAND huyện Sông Hình xét xử
sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 87/2020/TLST-HNGĐ,
ngày 28 tháng 7 năm 2020 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét
xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020; quyết định hoãn
phiên tòa số: 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020; quyết định
thay đổi hội thẩm số: 08/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020 giữa
các đương sự:

**Nguyên đơn:* Chị Bá Thị Tường V, sinh năm 1992; trú tại: Thôn 2B, xã
Sông Hình, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên; nghề nghiệp: Nhân viên Trung tâm
y tế huyện Sông Hình. Có mặt.

**Bị đơn:* Anh Nguyễn Quốc T1, sinh năm 1992; trú tại: Thôn Phước
Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, nghề nghiệp: Làm nông.
Có mặt.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Bá Minh T2, sinh năm 1961; trú tại: Thôn Hà Roi, xã Sông Hình,
huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, đảng viên, công tác tại Trạm y tế xã Sông
Hình, huyện Sông Hình (ông T2 có yêu cầu độc lập, ông T2 là cha đẻ chị V). Có
mặt.

2. Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Phước Giang, xã
Sơn Giang, huyện Sông Hình (anh S là anh ruột anh T1). Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1989; trú tại: Thị xã Ayunpa, tỉnh Gia

Lai (anh T1 không cung cấp địa chỉ cụ thể). Vắng mặt.

4. Chị Ka Sô T3, sinh năm 1987; trú tại: Thôn Hà Roi, xã Sông Hình, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên, chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Sông Hình, huyện Sông Hình. Vắng mặt.

**Người làm chứng:* Bà Phan Thị Thanh M, sinh năm 1967; trú tại: Khu phố 8, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn đề ngày 27/7/2020, ngày 28/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị V trình bày:

Về hôn nhân: Chị V và anh T1 quen nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 17/7/2017 tại UBND xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. Chị V cho rằng thời gian chung sống do vợ chồng không cùng quan điểm, anh T1 không lo làm ăn, mọi chuyện trong nhà không bao giờ bàn bạc với chị V mà một mình anh T1 quyết định, đã rất nhiều lần cãi nhau, hai bên gia đình cũng đã hòa giải anh T1 hứa khắc phục nhưng sau đó vẫn không thay đổi. Mâu thuẫn lớn nhất là lúc chị V đang trong thời gian nghỉ thai sản tại nhà cha mẹ đẻ được vài ngày thì anh T1 lừa chị V ký vay giấy tiền tại Phòng giao dịch Ngân hàng Sacombank huyện Sông Hình số tiền 630.000.000^d (sáu trăm ba mươi triệu đồng) để mua đất nhưng anh T1 lại tự ý vay lên số tiền 900.000.000^d (chín trăm triệu đồng), số tiền vay thêm 270.000.000^d và vay mượn bên ngoài anh T1 sử dụng vào mục đích cá nhân, chị V không biết. Ngoài ra, anh T1 còn vay, nợ bên ngoài nhiều người, họ cứ đến gặp chị V yêu cầu trả nợ, lúc nào cũng đối mặt với những chủ nợ đến đòi. Vì vậy, anh T1 chị V phải bán nhà ở Khu phố 7, thị trấn Hai Riêng, huyện Sông Hình để trả nợ, bán nhà với số tiền 1.150.000.000^d sau khi trừ khoản nợ đã vay là 630.000.000^d, trả lãi vay, còn lại 500.000.000^d, ngân hàng Sacombank chuyển vào tài khoản anh T1 nhưng anh T1 không nói cho chị V biết mà tự ý tiêu xài cá nhân. Nay, xét thấy tình cảm không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị V xin được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Có hai con chung tên Nguyễn Bá N, sinh ngày 06/4/2018 và Nguyễn Bá Kiều Tâm, sinh ngày 12/7/2020, sau khi ly hôn chị V xin nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng 3.000.000^d/tháng/1 con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị V yêu cầu anh T1 phải trả lại số tiền bán nhà còn lại là 500.000.000^d (năm trăm triệu đồng) để trả cho ông Bá Minh T2 vì lúc mua đất để xây dựng ngôi nhà đã bán có mượn của ông T2, hiện tại còn nợ.

Bị đơn anh T1 trình bày: Anh T1 và chị V tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân vào năm 2017, có đăng ký kết hôn, có 02 con chung, lúc đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, do anh T1 cùng bạn bè góp vốn làm ăn với mục đích kiếm thêm tiền lo cho vợ con, mỗi tháng anh

T1 đưa chị V 6.000.000^d(sáu triệu đồng), vợ chồng chỉ mưu thuận về kinh tế, do làm ăn thua lỗ, ít khi ở nhà chia sẻ, chăm sóc vợ con, anh T1 không có hành vi đánh hay xúc phạm chị V, anh T1 thấy mưu thuận vợ chồng chưa đến mức trầm trọng, vẫn có thể hàn gắn được, xin đoàn tụ tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, không đồng ý ly hôn. Nhờ Tòa xem xét để có cơ hội hàn gắn tình cảm cùng nhau làm ăn nuôi dạy con cái.

Về con chung: Thống nhất như chị V trình bày, anh T1 không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết về con chung, nhưng nếu phải ly hôn thì xin nuôi Nguyễn Bá N, sinh ngày 06/4/2018, không cấp dưỡng nuôi con, nhờ tòa xem xét.

Về tài sản chung: Vợ chồng bán nhà được 1.150.000.000^d(một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng), đã trả nợ Ngân hàng Sacombank 900.000.000^d(chín trăm triệu đồng) trả anh Nguyễn Văn H 250.000.000^d(hai trăm năm mươi triệu đồng) còn nợ anh H 20.000.000^d(hai mươi triệu đồng), đây là khoản nợ chung do vay làm ăn phát triển kinh tế gia đình, không sử dụng vào mục đích cá nhân. Mặc dù, một mình anh T1 ký tên trong giấy vay mượn tiền nhưng vợ chồng phải liên đới dùng số tiền bán nhà còn lại để trả cho anh H. Tài sản chung của vợ chồng là tiền bán nhà đã thực hiện nghĩa vụ trả nợ hết, ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Nợ ngân hàng Sacombank đã dùng tiền bán nhà để trả, nợ anh Nguyễn Văn H 270.000.000^d vay năm 2019 đã dùng số tiền 250.000.000^d tiền bán nhà để trả, còn nợ 20.000.000^d. Nợ anh Nguyễn Thanh S 490.000.000^d(bốn trăm chín mươi triệu đồng). Tổng cộng 510.000.000^d (năm trăm mười triệu đồng), nhờ Tòa xem xét giải quyết.

Đối với khoản nợ ông Bá Minh T2 yêu cầu anh T1 trả 500.000.000^d(năm trăm triệu đồng) nhưng do chị V ký vay, anh T1 không biết nên không đồng ý, vì khi vợ chồng chuyển nhà từ xã Sơn Giang đến thị trấn Hai Riêng, ông T2 nói cho vợ chồng 200.000.000^d(hai trăm triệu đồng) để mua đất xây nhà, số tiền này ông T2 cho vợ chồng không nghĩ là mượn, nếu Tòa án xác định là khoản nợ thì đây là khoản nợ chung của vợ chồng chứ không phải nợ cá nhân anh T1, nên anh T1 không đồng ý, anh T1 còn yêu cầu xác minh bản kê khai tài sản, thu nhập của ông T2 qua các năm 2017, 2018, 2019 tại Trung tâm y tế huyện Sông Hinh để rõ hơn.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông Bá Minh T2 trình bày:* Năm 2018, vợ chồng anh T1 chị V (T1 là con rể, V là con gái) mua đất tại thị trấn Hai Riêng (đất nhà đã bán) với số tiền 830.000.000^d(tám trăm ba mươi triệu đồng) vợ chồng mới cưới không có tiền, chỉ vay ngân hàng Sacombank được 630.000.000^d(sáu trăm ba mươi triệu đồng) nên ông T2 cho mượn thêm 200.000.000^d(hai trăm triệu đồng) để mua đất và cho mượn tiếp 300.000.000^d(ba trăm triệu đồng) để xây nhà và trả tiền vật liệu, tổng cộng là 500.000.000^d(năm trăm triệu đồng). Tháng 6/2020, anh T1 nợ nần chồng chất, các chủ nợ đến đòi, gây áp lực nên phải bán nhà 1.150.000.000^d trả nợ Ngân

hàng 630.000.000^d và trả tiền lãi, còn lại 500.000.000^d, anh T1 không trả cho ông T2. Ông T2 và chị V nhiều lần hẹn gặp anh T1 để giải quyết nhưng anh T1 trốn tránh, tìm đủ mọi lý do để từ chối, nên khi chị V có đơn xin ly hôn thì ông T2 cũng có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh T1 phải trả số tiền 500.000.000^d(năm trăm triệu đồng).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh S trình bày:* Anh T1 đến nhà nói vợ chồng ông Bá Minh T2 bảo vợ chồng anh T1 về thị trấn Hai Riêng xây nhà ở để thuận tiện đi lại, không có tiền nên vợ chồng anh S cho mượn số tiền 400.000.000^d(bốn trăm triệu đồng) vào ngày 23/7/2018, trong quá trình xây dựng nhà có mượn thêm 90.000.000^d(chín mươi triệu đồng) vào ngày 13/3/2019. Ngày 15/9/2020, anh T1 có gọi điện thông báo về việc Tòa án triệu tập vợ chồng anh S về để giải quyết việc cho anh T1 vay tiền, nhưng vì đi làm ăn xa nên không về được. Nay, anh S yêu cầu vợ chồng anh T1 chị V có trách nhiệm trả cho anh S số tiền vay 490.000.000^d (bốn trăm chín mươi triệu đồng).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Ka Sô T3 trình bày:* Ngày 27/7/2020 chị có ký giấy khai sinh đối với cháu Bá Tường L, sinh ngày 12/7/2020, dân tộc Ba na, con chị Bá Thị Tường V và anh Nguyễn Quốc T1, do ông Bá Minh T2 đăng ký khai sinh có sự ủy quyền của chị V. Tuy nhiên, sau đó anh T1 phản ứng, xét thấy sai nên đã đề nghị UBND huyện Sông Hinh thu hồi giấy khai sinh cháu Bá Tường L. UBND xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh đã ban hành giấy khai sinh khác đổi thành tên Nguyễn Bá Kiều T4, sinh ngày 12/7/2020.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H:* Anh H là do anh T1 cung cấp, nhưng không cung cấp địa chỉ cụ thể, giấy triệu tập của anh H, anh T1 nhận nhưng không có ai đến tòa, do vậy trong hồ sơ không có lời trình bày.

TAND huyện Sông Hinh tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Tại phiên tòa, chị V, anh T1 và ông T2 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Sông Hinh phát biểu: Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa và phiên tòa diễn ra đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình (LHN và GD), Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự (BLDS), Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14. Đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu của chị V xin được ly hôn đối với anh T1. Về con chung: Đề nghị HĐXX giao các cháu Nguyễn Bá N và Nguyễn Bá Kiều T4 cho chị Bá Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng, anh T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000^d(ba triệu đồng)/tháng/02 con. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét. Về yêu cầu độc lập của ông Bá Minh T2 buộc anh T1 chị V phải cùng trả cho ông Bá Minh T2 200.000.000^d(hai trăm triệu đồng), phần anh T1 100.000.000^d(một trăm triệu đồng), phần chị V 100.000.000^d(một

trăm triệu đồng). Riêng chị V còn phải trả cho ông T2 300.000.000^d(ba trăm triệu đồng). Về án phí: Chị V, anh T1, ông T2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Chị Bá Thị Tường V có đơn đề nghị tòa án giải quyết việc hôn nhân của chị và anh Nguyễn Quốc T1, trú tại: Thôn Phước Giang, xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). TAND huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bá Thị Tường V và anh Nguyễn Quốc T1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Sơn Giang, huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên vào ngày 11/7/2017. Quá trình chung sống không hạnh phúc, thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T1 không lo làm ăn, không quan tâm chia sẻ công việc với chị V, một mình tự ý quyết định việc vay, mượn của nhiều người dẫn đến nợ nần chồng chất, vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, lẽ ra số tiền bán nhà sau khi trả nợ còn 500.000.000^d(năm trăm triệu đồng) phải bàn với chị V nhưng anh T1 tự ý tiêu xài hết, thời điểm này chị V ở nhà ông T2 nghỉ sinh (để sinh Nguyễn Bá Kiều Tâm). Nay, chị V xét thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh T1. Anh T1 cho rằng vợ chồng vẫn còn tình cảm, không đồng ý ly hôn, vợ chồng không có mâu thuẫn gì trầm trọng, chỉ mâu thuẫn về kinh tế, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh T1 không thuyết phục được chị V rút đơn để về đoàn tụ gia đình. Anh T1 cho rằng các khoản vay mượn của anh đều nhằm mục đích phát triển kinh tế gia đình nhưng không có căn cứ nào để chứng minh và chị V cũng không biết các khoản nợ, tự ý vay anh H, anh S cũng không báo cho chị V. Tất cả các khoản vay, mượn đến khi không trả được dẫn đến các chủ nợ đến đòi, chủ nợ đến Trung tâm y tế huyện Sông Hình nơi chị V công tác để đòi nợ, gây áp lực lớn đến uy tín, danh dự chị V, do vậy vợ chồng phải bán nhà để trả nợ, bán nhà xong số tiền còn lại anh T1 cũng tự ý tiêu xài và trả nợ cá nhân. Xét thấy, đây là nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn và vợ chồng không còn tình cảm, chị V đã đưa con chung về nhà ông T2 ở nhờ từ tháng 5 năm 2020 cho đến nay. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 56 của LHN và GĐ, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn cho chị V được ly hôn đối với anh T1.

[3] Về con chung: Thời gian chung sống, chị V và anh T1 có hai con chung là Nguyễn Bá N, sinh ngày 06/4/2018 và Nguyễn Bá Kiều T4, sinh ngày 12/7/2020 sau khi ly hôn chị V xin nuôi 02 con chung và yêu cầu anh T1 cấp dưỡng 3.000.000^d/tháng/1 con chung. Mặc dù, anh T1 không đồng ý ly hôn nhưng nếu phải ly hôn thì xin nuôi Nguyễn Bá N và không cấp dưỡng nuôi con chung, quan điểm của Kiểm sát viên cũng đề nghị đối với hai con còn nhỏ

(Nguyễn Bá N hơn 32 tháng tuổi, Nguyễn Bá Kiều T4 hơn 05 tháng tuổi), tất cả đều dưới 36 tháng tuổi, việc chăm sóc, nuôi dưỡng để bảo đảm sự phát triển của con và tình cảm gắn bó của mẹ từ trước đến nay của hai con do người mẹ đang trực tiếp chăm sóc là cần thiết, nên căn cứ vào khoản 3 Điều 81 LHN và GD chấp nhận yêu cầu giao cho chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Anh T1 có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.000.000^d(một triệu đồng)/tháng/01 con, kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 LHN và GD.

[4] Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T1 thừa nhận hiện tại vợ chồng không còn tài sản chung nào khác nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung:

5.1. Ông T2 cho rằng ông có cho vợ chồng anh T1 chị V mượn 500.000.000^d để mua đất và xây nhà ở (trong đó 200.000.000^d ông trực tiếp đưa cho anh T1, 200.000.000^d ông cho anh T1 mượn để trả tiền mua đất, còn khoảng 100.000.000^d là tiền ông trả tiền vật liệu xây dựng). Nhưng anh T1 chỉ thừa nhận là có nhận 200.000.000^d từ ông T2 nhưng anh T1 nghĩ số tiền này là do ông T2 cho chị V vì khi xây nhà xong ông T2 không hề nhắc gì đến việc vay mượn. Mặc dù, chị V thừa nhận có vay của ông T2 500.000.000^d để mua đất xây nhà nhưng anh T1 chỉ thừa nhận có nhận 200.000.000^d từ ông T2, ngoài ra không còn vay khoản tiền nào khác và tại các giấy vay tiền đề ngày 29/8/2018 và 25/10/2018 thì chỉ có một mình chị V ký tên mượn tiền. Do đó, có cơ sở để xác định vợ chồng chị V anh T1 có nhận của ông T2 số tiền 200.000.000^d. Vì vậy, yêu cầu độc lập của ông T2 là có căn cứ, anh T1 thống nhất đây là số tiền chung của vợ chồng nên chị V anh T1 phải có trách nhiệm trả chung là phù hợp với lời trình bày của người làm chứng bà M (BL 89) và phù hợp với quan điểm xử lý vụ án của Kiểm sát viên nên HĐXX chấp nhận buộc vợ chồng chị V anh T1 phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T2 200.000.000^d (phần anh T1 100.000.000^d, phần chị V 100.000.000^d). Riêng khoản tiền 300.000.000^d chỉ một mình chị V ký giấy vay tiền, anh T1 không biết, không thừa nhận đó là khoản nợ chung. Hơn nữa, tại bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2018 của ông T2 nộp, do Trung tâm y tế huyện Sông Hinh nơi ông T2 công tác cung cấp, không thể hiện nội dung cho chị V anh T1 mượn hoặc vay tiền. Do vậy, chị V ký giấy vay tiền thì chị V phải có trách nhiệm trả cho ông T2 số tiền 300.000.000^d (ba trăm triệu đồng).

5.2. Số tiền 1.150.000.000^d chị V cho rằng sau khi trả nợ Ngân hàng sacombank thì còn 500.000.000^d anh T1 đã tự ý chuyển vào tài khoản của mình và tiêu xài hết, nhưng chị V không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh, trong khi anh T1 chứng minh dùng số tiền này để trả tiền mua vật liệu xây dựng và mua đất đối với ngôi nhà đã bán. Do vậy, yêu cầu của chị V không có căn cứ để chấp nhận.

5.3. Đối với yêu cầu của anh T1 buộc vợ chồng anh T1 chị V phải trả số tiền 490.000.000^d cho anh Nguyễn Thanh S: Ngày 22/10/2020, TAND huyện Sông Hinh đã ban hành thông báo số 253 yêu cầu anh S nộp tiền tạm ứng án phí và nộp lại biên lai thu

tiền tạm ứng án phí cho Tòa án thụ lý yêu cầu độc lập. Tuy nhiên, đến nay (29/12/2020) anh S không thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí. Do đó, căn cứ theo khoản 3 Điều 195 BLTTDS không tiến hành thụ lý yêu cầu độc lập của anh S. HĐXX tách riêng để giải quyết thành vụ việc khác khi có đầy đủ yêu cầu.

5.4. Đối với số tiền 20.000.000^d, anh T1 cho rằng còn nợ anh Nguyễn Văn H: Theo hồ sơ không có ý kiến yêu cầu vợ chồng anh T1 chị V trả nợ của anh H và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào thể hiện việc vay mượn giữa vợ chồng anh T1 và anh H, mặt khác anh T1 chị V không có yêu cầu giải quyết tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. HĐXX không xét.

[6] Về giấy khai sinh: Tại bút lục số 87, 88, 92, chị T3 đại diện UBND xã Sông Hình, huyện Sông Hình đã yêu cầu UBND huyện Sông Hình thu hồi và hủy giấy khai sinh của Bá Tường L. UBND xã Sơn Giang đã ban hành giấy khai sinh khác là Nguyễn Bá Kiều T4 là đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Chị V anh T1 phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tòa án. Cụ thể:

Phần chị V: Số tiền $100.000.000^d \times 5\% = 5.000.000^d$ và $300.000.000^d \times 5\% = 15.000.000^d$; 300.000^d án phí Hôn nhân và gia đình. Tổng cộng 20.300.000^d, đã nộp 300.000^d, còn phải nộp 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng).

Phần anh T1: Số tiền $100.000.000^d \times 5\% = 5.000.000^d$ và 300.000^d án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng. Tổng cộng 5.300.000^d (năm triệu ba trăm nghìn đồng).

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 463, Điều 466 BLDS;

Căn cứ Điều 27, Điều 32, Điều 37, khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 60, khoản 3 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Điều 116, Điều 118 LHN và GD;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Bá Thị Tường V.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập của ông Bá Minh T2.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bá Thị Tường V ly hôn anh Nguyễn Quốc T1.

2. Về con chung : Giao cho chị Bá Thị Tường V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Bá N, sinh ngày 06/4/2018 và Nguyễn Bá Kiều T4, sinh ngày 12/7/2020.

Anh Nguyễn Quốc T1 có trách nhiệm, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con (Nguyễn Bá N, sinh ngày 06/4/2018 và Nguyễn Bá Kiều T4, sinh ngày 12/7/2020) với số tiền 1.000.000^d (một triệu đồng)/tháng/01 con, kể từ tháng 01 năm 2021 cho đến khi có một trong các trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng quy định tại Điều 118 LHN và GD.

Anh Nguyễn Quốc T1 có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản. Nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

3. Về tài sản chung: Chị Bá Thị Tường V, anh Nguyễn Quốc T1 không yêu cầu phân chia nên HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

4. Về trách nhiệm trả nợ:

4.1. Chị Bá Thị Tường V và anh Nguyễn Quốc T1 có trách nhiệm liên đới trả cho ông Bá Minh T2 số tiền 200.000.000^d (hai trăm triệu đồng), trong đó phần chị V phải trả cho ông T2 100.000.000^d (một trăm triệu đồng) và anh T1 phải trả cho ông T2 100.000.000^d (một trăm triệu đồng).

4.2. Chị Bá Thị Tường V phải có trách nhiệm trả cho ông Bá Minh T2 300.000.000^d (ba trăm triệu đồng).

4.3. Tách việc anh T1 yêu cầu phải trả cho anh Nguyễn Thanh S số tiền 490.000.000^d (bốn trăm chín mươi triệu đồng) để giải quyết thành vụ việc khác khi có đầy đủ yêu cầu.

5. Về án phí:

5.1. Chị Bá Thị Tường V phải nộp 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng 20.300.000^d (hai mươi triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được tính trừ vào số tiền 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu tiền số 0005663 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình. Do vậy, chị V còn phải nộp 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) tiền án phí.

5.2. Anh Nguyễn Quốc T1 phải nộp 5.000.000^d (năm triệu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000^d (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, anh T1 phải nộp 5.300.000^d (năm triệu ba trăm nghìn đồng) tiền án phí.

5.3. Hoàn trả cho ông Bá Minh T2 12.000.000^d (mười hai triệu đồng) đã

nộp tại biên lai thu tiền số 0005664 ngày 28/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- CCTHADS huyện Sông Hinh;
- UBND xã Sơn Giang, huyện Sông Hinh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Châu Kha